TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH HÀ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/3/2023
V/v: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hoài

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Thành, ông Lê Công Nhận

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hồng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 383/2022/TLST-HNGĐ ngày 16-12-2022 về việc: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27-2-2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị S, sinh năm 1983, (có mặt).

- Bị đơn: Anh Vũ Xuân T, sinh năm 1984, (vắng mặt).

Đều có địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

- Người làm chứng:

1. Bà Lê Thị Ư, sinh năm 1957 (vắng mặt)

Cư trú tại: Thôn S, xã A, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

2. Ông Vũ Xuân T1, sinh năm 1955 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

- Trưởng thôn N, xã H, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương (vắng mặt)

- Chi hội phụ nữ thôn N, xã H, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị S trình bày:

Chị và anh Vũ Xuân T tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân xã H, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương ngày 18-02-2005. Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân anh T không chịu làm ăn, thường xuyên uống rượu, say xỉn, chửi bới, đánh đập chị, gây mất trật tự trong gia đình và ngoài xã hội. Chị S và gia đình hai bên nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi. Anh T đã 02 lần bị đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. Sau khi trở về địa phương anh T vẫn tiếp tục chửi bới, đánh đập, mẹ con chị phải dọn đi ở nhà tạm để trông coi vườn trên đất 721 của ông H1 nhưng anh T cũng không để mẹ con chị được sống yên ổn vẫn ra chửi bới, đánh đập. Chị xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Vũ Thị Bích N, sinh ngày 28/11/2005, Vũ Xuân T2, sinh ngày 28/8/2007 và Vũ Xuân L, sinh ngày 21/4/2014. Cháu N, L xin ở với chị, cháu T2 bỏ nhà đi không rõ địa chỉ nay cháu T2 đã trở về và có nguyện vọng xin ở với anh T, chị S đề nghị xin nuôi 02 con và nhất trí với nguyện vọng của các con. Chị tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Xuân T có mặt tại địa phương, Tòa án nhiều lần triệu tập nhưng không có mặt tại Tòa án và không có bản tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người làm chứng là ông Vũ Xuân T1 (bố đẻ của anh T) trình bày: Ông là bố đẻ anh T và là bố chồng chị S. Hiện nay anh T sinh sống liền thửa đất nhưng khác nhà với vợ chồng ông, nhà đất vẫn mang tên ông. Anh T và chị S kết hôn ngày 18/2/2005 tại ủy ban nhân dân xã H. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống cùng gia đình ông được một thời gian thì mâu thuẫn do anh T không chịu làm ăn, thường xuyên rượu chè, đánh đập, chửi bới vợ con, đã 2 lần đi cơ sở giáo dục bắt buộc. Khoảng năm 2019 chị S đã thuê nhà ở riêng và vợ chồng ly thân từ đó. Vợ chồng anh chị T S có 03 con chung như chị S trình bày, cháu N và cháu L đang sống cùng chị S còn cháu T2 bỏ nhà đi miền nam, ông không biết địa chỉ của cháu T2 ở đâu. Anh T và chị S không có tài sản chung, không có nợ chung và cũng không có công sức đóng góp gì với gia đình ông. Nay chị S xin ly hôn anh T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, đề nghị giao 03 con cho chị S nuôi vì anh T không có việc làm, thường xuyên uống rượu say xỉn, vợ chồng ông già yếu, kinh tế gia đình khó khăn nên không hỗ trợ anh T trong việc trông nom, chăm sóc các cháu được. Ông cam đoan các văn bản tố tụng do Tòa án giao ông nhận thay và đã giao đến tận tay anh T.

Người làm chứng là bà Lê Thị Ư (mẹ đẻ chị S) trình bày: Quá trình chung sống anh chị T S sống không hạnh phúc, anh T không chịu làm ăn, thường xuyên uống rượu, đánh đập chị S. Nay chị S xin ly hôn anh T, đề nghị Tòa án giải quyết

theo nguyện vọng của chị S. Vợ chồng anh chị S T có 03 con chung, bà đề nghị Tòa án giao cả 3 con cho chị S nuôi dưỡng, bà sẽ hỗ trợ chị S chăm sóc các cháu.

Xác minh với trưởng thôn và chi hội phụ nữ thôn cung cấp như sau: Anh T hiện nay vẫn ăn ở và sinh sống cùng thửa đất với bố đẻ anh T là ông T1 ở thôn N, xã H, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng anh T luôn phát sinh mâu thuẫn do anh T không tu chí làm ăn, thường xuyên uống rượu, say xỉn, đánh đập vợ con làm mất trật tự thôn xóm. Địa phương đã 02 lần lập hồ sơ đề nghị đưa anh T vào cơ sở giáo dục bắt buộc. Sau khi trở về địa phương anh T không có sự thay đổi, vẫn tiếp tục uống rượu, đánh đập vợ con. Chị S đã phải dọn đến ở nhờ nhà trông coi trên đất 721 của ông H1 là bác họ anh T. Mỗi lần anh T đánh chị S, chị S có trình báo địa phương, cơ sở thôn xóm đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không có kết quả. Nay chị S có đơn xin ly hôn anh T, đề nghị Tòa án sớm giải quyết để chị S được ly hôn anh T, đảm bảo quyền lợi cho mẹ con chị S. Anh chị T S có 03 con chung như chị S trình bày là đúng, đề nghị Tòa án giải quyết về con chung theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa chị S giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh T và đề nghị được nuôi 02 con N và L; để anh T nuôi con T2 cũng là theo nguyện vọng của các con. Chị tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Tài sản, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tham gia tố tung. Đề nghị áp dụng Điều 56, 58, 69; 71; 72; 81, 82, 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử cho chị Phạm Thị S được ly hôn anh Vũ Xuân T; giao 02 con chung là Vũ Thị Bích N, sinh ngày 28/11/2005 và Vũ Xuân L, sinh ngày 21/4/2014 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con Vũ Xuân T2, sinh ngày 28/8/2007 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị S không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị S phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử, nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Vũ Xuân T1 (bố đẻ anh T) cam đoan đã giao đến tận tay anh Vũ Xuân T các văn bản tố tụng và giấy triệu tập đến phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ

luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị S và anh Vũ Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương ngày 18/2/2005 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng sống không hạnh phúc là do anh T không chịu làm ăn, thường xuyên uống rượu, say xỉn, đánh đập vợ con. Anh T đã 2 lần đi cơ sở giáo dục bắt buộc nhưng không thay đổi. Vợ chồng ly thân từ năm 2019 đến nay. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do, anh T không có bản tự khai thể hiện quan điểm của mình. Tòa án về địa phương xác minh ghi lời khai nhưng anh T đều cố tình lẩn tránh, không hợp tác. Gia đình và đại diện đoàn thể xóm thôn nơi chị S sinh sống chứng kiến nỗi khổ của chị S đều đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho chị S ly hôn anh T. Như vậy mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị S và quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xử chị S ly hôn anh T.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Vũ Thị Bích N, sinh ngày 28/11/2005, Vũ Xuân T2, sinh ngày 28/8/2007 và Vũ Xuân L, sinh ngày 21/4/2014. Cháu N và cháu L có nguyện vọng ở với chị S. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cháu T2 bỏ nhà đi không rõ địa chỉ nhưng trước thời điểm mở phiên tòa, cháu T2 đã trở về có nguyện vọng xin được ở với anh T.

Xem xét điều kiện, hoàn cảnh để giao con thì thấy: Mặc dù anh T không có bản tự khai thể hiện quan điểm về việc nuôi con. Thực tế anh T có nhà ở còn chị S đang phải đi ở nhờ nhà trông coi đất 721 của gia đình ông H1. Các cháu N, L có nguyện vọng ở với chị S; cháu T2 có nguyện vọng ở với anh T. Chị S nhất trí và đề nghị giao con theo nguyện vọng của các con. Chị tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con. Căn cứ điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Cần tiếp tục giao 02 cháu N, L cho chị S nuôi dưỡng và giao cháu T2 cho anh T nuôi dưỡng kể từ tháng 4/2023 đến khi các con thành niên đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau và được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị S tự nguyện không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị S có đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình. Luật án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị S được ly hôn anh Vũ Xuân T.

- Về quan hệ con chung: Giao cho chị Phạm Thị S trực tiếp nuôi 02 con chung là Vũ Thị Bích N, sinh ngày 28/11/2005 và Vũ Xuân L, sinh ngày 21/4/2014; giao cho anh Vũ Xuân T nuôi con Vũ Xuân T2, sinh ngày 28/8/2007 kể từ tháng 4/2023 đến khi các con thành niên đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Phạm Thị S phải chịu 300.000^{đ} án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000^{đ} theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003368 ngày 15/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.(*chi S đã thi hành xong án phí*)

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 31/3/2023. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hoài